

Phụ lục 01
KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC 6
THÁNG ĐẦU NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số 679/BC-UBND ngày 09/7/2026 của UBND phường)

MS	NỘI DUNG	DVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	6
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tổ chức	Lớp	1
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTNTC	Lượt người	68
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được xuất bản	Tài liệu	0
	THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC		0
7	Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC	Cuộc	
8	Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC đã ban hành kết luận	Cuộc	
9	Số đơn vị được thanh tra	Đơn vị	
	Kiến nghị xử lý hành chính		
10	+ Tập thể	tập thể	
11	+ Cá nhân	người	
	Kiến nghị xử lý hình sự		
12	+ Số vụ	vụ	
13	+ Số đối tượng	Đối tượng	
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động		
14	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức	CQ, TC, ĐV	0

	và hoạt động		
15	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
16	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	1
17	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	0
18	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0
19	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	0
20	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
21	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	0
22	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
23	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
24	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
25	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
26	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
27	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
28	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
29	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	0
30	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>		0
31	Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
32	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0

	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
33	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	447
34	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	447
35	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
36	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
37	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
38	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	0
39	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	0
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
40	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	0
41	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
42	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	0
43	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
43.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	0
43.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
44	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
45	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
	<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		Không có
46	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	
50	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng	Vụ	

	phòng, chống tham nhũng, tiêu cực		
	- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	vụ	
51	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Người	
	- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	người	
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		Không có
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		Không có
58	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	
59	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	
60	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	
61	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại tố cáo</i>		Không có
62	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
63	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		Không có
64	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	

65	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		Không có
66	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
67	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		Không có
68	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	
69	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	
70	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	
71	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHƯNG		Không có
72	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
73	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
74	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
74.1	- <i>Khiển trách</i>	Người	
74.2	- <i>Cảnh cáo</i>	Người	
74.3	- <i>Cách chức</i>	Người	
	XỬ LÝ THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		Không có
75	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	
76	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	
76.1	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i>	Người	
76.2	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i>	Người	
76.3	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng</i>	Người	
76.4	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng</i>	Người	
77	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
78	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành	Người	

	chính về hành vi tham nhũng		
79	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
80	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i>		
81	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
82	Đất đai	m ²	0
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>		
83	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
83.1	- <i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính</i>	Triệu	
83.2	- <i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp</i>	Triệu	
84	Đất đai	m ²	
84.1	- <i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính</i>	m ²	
84.2	- <i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp</i>	m ²	
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>		
85	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
86	Đất đai	m ²	0

Phụ lục 02

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỂM, CHỐNG LÃNG PHÍ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 679/BC-UBND ngày 09/7/2026 của UBND phường)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2025	Kế hoạch của năm 2026	Kết quả thực hiện năm 2026	So sánh kết quả thực hiện 6 tháng năm 2026 so với 6 tháng năm 2025		Ghi chú
						6 tháng năm 2025	kế hoạch năm 2026	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						

1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		636	2.325	1.172	1,84	0,50	
-	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	59	336	166,5	2,82	0,50	
-	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	41	77	43,5	1,06	0,56	
-	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	93	262	116,5	1,25	0,44	
-	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	4	14	7	1,75	0,50	
-	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	51	147	68	1,33	0,46	
-	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	32	173	98	3,06	0,57	
-	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	49	537	291	5,94	0,54	
-	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	197	244	144,5	0,73	0,59	
-	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	62	359	171	2,76	,48	
-	Các khoản khác	triệu đồng	48	176	66	1,38	0,38	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)			0	0			
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng		0	0			
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		-	0	0			Tiết kiệm so với dự toán, định mức,
-	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng		0	0			
-	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng		0	0			

-	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng		0	0			tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
-	Các nội dung khác	triệu đồng		0	0			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng		0	0			
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng		0	0			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng		0	0			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng		0	0			
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng		0	0			
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ			0	0			
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị		0	0			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị		0	0			
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng		0	0			
4	Các nội dung khác			0	0			
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước			0	0			
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)			0	0			
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc		0	0			
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc		0	0			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc		0	0			

1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc		0	0			
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng		0	0			
2	Tài sản khác			0	0			
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản		0	0			
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản		0	0			
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng		0	0			
3	Các nội dung khác			0	0			
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng			0	0			
1	Trong đầu tư xây dựng			0	0			
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án		0	0			
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng		6,500	3754		0.58	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
-	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>		6000	3451		0.58	
-	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>		500	303		0.61	
-	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>		0	0			
-	<i>Thăm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>		0	0			
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng		0	0			
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án		0	0			
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ			0	0			
	<i>Số lượng</i>	dự án		0	0			

	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng		0	0			
2	Trụ sở làm việc			0	0			
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²		0	0			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²		0	0			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²		0	0			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²		0	0			
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²		0	0			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng		0	0			
3	Nhà công vụ			0	0			
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²		0	0			
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²		0	0			
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²		0	0			
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²		0	0			
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²		0	0			
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng		0	0			
4	Các nội dung khác			0	0			
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên			0	0			
1	Quản lý, sử dụng đất			0	0			
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²		0	0			

1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²		0	0			
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	35	0	0	-		
1.4	Các nội dung khác			0	0			
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác			0	0			
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ		0	0			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		0	0			
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được			0	0			
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án		0	0			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng		0	0			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt			0	0			
4	Các nội dung khác			0	0			
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước			0	0			
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ		0	0			
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		0	0			
3	Các nội dung khác			0	0			
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							

1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh		-	-	-			
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng		0	0			
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng		0	0			
	Tiết kiệm điện	Kw/h		0	0			
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)		0	0			
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng		0	0			
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng		0	0			
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng		0	0			
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng		0	0			
2	Quản lý đầu tư xây dựng		-	-	-			
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án		0	0			
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án		0	0			
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		-	0	0			
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng		0	0			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng		0	0			
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng		0	0			
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng		0	0			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn		-	-	-			
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án		0	0			
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng		0	0			
2.5	Các nội dung khác			0	0			
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ		-	-	-			

	NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng		0	0			
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng		0	0			
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng		0	0			
4	Mua sắm phương tiện		-	-	-			
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con			0	0			
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc		0	0			
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc		0	0			
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng		0	0			
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc		0	0			
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng		0	0			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc		0	0			
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc		0	0			
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng		0	0			
5	Nợ phải thu khó đòi		-	-	-			
	Số đầu kỳ	triệu đồng		0	0			
	Số cuối kỳ	triệu đồng		0	0			
6	Vốn chủ sở hữu			0	0			
	Số đầu năm	triệu đồng		0	0			
	Số cuối kỳ	triệu đồng		0	0			
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân		-	-	-			
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ		0	0			

2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ		0	0			
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP		-	-	-			
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc		0	0			
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc		0	0			
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị		0	0			
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị		0	0			
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng		0	0			
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng		0	0			